



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đầu tư**      5412100009      ngày 13 tháng 2 năm 2008  
Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**      5403000048      ngày 29 tháng 3 năm 2007  
1500482064      ngày 8 tháng 6 năm 2020  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1500482064 ngày 8 tháng 6 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

**Hội đồng Quản trị**      Bà Phạm Thị Hồng Hạnh      Chủ tịch  
Ông Lê Hồng Xanh      Thành viên  
Ông Nguyễn Văn Đồi      Thành viên  
Ông Lâm Du An      Thành viên  
Ông Phạm Hồng Minh      Thành viên

**Ban Kiểm soát**      Bà Đinh Việt Anh      Trưởng ban  
Ông Phạm Đình Hùng      Thành viên  
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên      Thành viên

**Ban Giám đốc**      Ông Nguyễn Duy Phong      Giám đốc  
Ông Cao Phạm Trường      Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**      Số 11, khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi  
Thành phố Vĩnh Long  
Tỉnh Vĩnh Long  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**      Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Duy Phong  
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch



Tỉnh Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00433-22-1



Nelson Rodríguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>61.369.719.364</b>	<b>71.731.070.290</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>7.113.415.258</b>	<b>5.686.840.063</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>751.306.897</b>	<b>5.046.719.536</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	455.413.725	4.888.959.040
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		270.393.172	132.260.496
Phải thu ngắn hạn khác	136		25.500.000	25.500.000
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>53.362.673.356</b>	<b>60.843.987.760</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>142.323.853</b>	<b>153.522.931</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		142.323.853	153.522.931
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>384.260.817.713</b>	<b>431.249.678.041</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.025.000</b>	<b>17.025.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		17.025.000	17.025.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>382.743.792.713</b>	<b>429.718.618.297</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	382.743.792.713	429.718.618.297
Nguyên giá	222		721.656.726.879	720.026.726.879
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(338.912.934.166)	(290.308.108.582)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>14.034.744</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	14.034.744
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>445.630.537.077</b>	<b>502.980.748.331</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

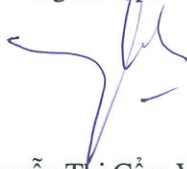
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>177.819.177.616</b>	<b>227.837.397.697</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>171.219.177.616</b>	<b>210.637.397.697</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	15.368.930.424	16.338.459.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.024.448.462	12.383.964.770
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	55.069.899.146	66.851.085.716
Phải trả người lao động	314		11.516.613.931	10.232.715.358
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	4.905.596.767	7.222.452.158
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.618.096.000	2.045.000.000
Vay ngắn hạn	320	15(a)	60.000.000.000	93.300.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2.715.592.886	2.263.720.369
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.600.000.000</b>	<b>17.200.000.000</b>
Vay dài hạn	338	15(b)	6.600.000.000	17.200.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>267.811.359.461</b>	<b>275.143.350.634</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>267.811.359.461</b>	<b>275.143.350.634</b>
Vốn cổ phần	411	18	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	15.050.956.749	15.050.956.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		102.760.402.712	110.092.393.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		82.092.393.885	80.432.919.462
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.668.008.827	29.659.474.423
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>445.630.537.077</b>	<b>502.980.748.331</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>22</b>	<b>484.744.602.343</b>	<b>497.381.575.345</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>428.731.864.474</b>	<b>422.931.004.826</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>56.012.737.869</b>	<b>74.450.570.519</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		815.765.304	93.856.657
Chi phí tài chính	22		6.063.207.713	10.731.124.911
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.062.852.769	10.730.854.167
Chi phí bán hàng	25		6.391.029.619	5.295.618.525
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	15.798.810.254	18.194.418.564
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>28.575.455.587</b>	<b>40.323.265.176</b>
Thu nhập khác	31		33.052.000	41.136.164
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>33.052.000</b>	<b>41.136.164</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>28.608.507.587</b>	<b>40.364.401.340</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>5.800.077.243</b>	<b>8.617.586.158</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>22.808.430.344</b>	<b>31.746.815.182</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.211	1.812

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>28.608.507.587</b>	<b>40.364.401.340</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		48.604.825.584	49.359.556.362
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.086.070)	(10.483.199)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(810.613.587)	(83.168.651)
Chi phí lãi vay	06		6.062.852.769	10.730.854.167
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>82.460.486.283</b>	<b>100.361.160.019</b>
Biến động các khoản phải thu	09		4.300.560.638	17.809.107.614
Biến động hàng tồn kho	10		7.481.314.404	4.949.214.945
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.327.196.101)	(8.038.994.789)
Biến động chi phí trả trước	12		25.233.822	1.919.759.861
			<b>87.940.399.046</b>	<b>117.000.247.650</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.120.707.430)	(11.147.980.874)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.348.490.361)	(10.734.084.083)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.188.549.000)	(4.723.470.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>71.282.652.255</b>	<b>90.394.712.693</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.630.000.000)	(5.364.260.980)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		810.613.587	83.168.651
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(819.386.413)</b>	<b>(5.281.092.329)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		385.900.000.000	418.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(429.800.000.000)	(501.400.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(25.136.625.000)	(11.905.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(69.036.625.000)</b>	<b>(94.805.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.426.640.842</b>	<b>(9.691.379.636)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.686.840.063</b>	<b>15.378.258.499</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền</b>	<b>61</b>		<b>(65.647)</b>	<b>(38.800)</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>7.113.415.258</b>	<b>5.686.840.063</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 123 nhân viên (1/1/2021: 131 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 109.849 triệu VND (1/1/2021: 138.906 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng với giá trị là 90.000 triệu VND (1/1/2021: 67.500 triệu VND) và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

11007  
CH  
CÔM  
NH

007  
NH  
TNI  
G  
CHI

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	5 năm

**(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(l) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## **4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước VND</b>	<b>Nước ngoài VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>2021</b>			
Doanh thu	416.933.839.314	67.810.763.029	484.744.602.343
Giá vốn hàng bán	(373.370.362.953)	(55.361.501.521)	(428.731.864.474)
	43.563.476.361	12.449.261.508	56.012.737.869
<b>2020</b>			
Doanh thu	419.156.558.935	78.225.016.410	497.381.575.345
Giá vốn hàng bán	(395.776.909.356)	(27.154.095.470)	(422.931.004.826)
	23.379.649.579	51.070.920.940	74.450.570.519

Tài sản của Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

**5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, một bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**6. Tiền**

	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Tiền mặt	526.162.000	121.213.500
Tiền gửi ngân hàng	6.587.253.258	5.565.626.563
	7.113.415.258	5.686.840.063



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	138.549.325	4.825.865.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	289.634.400	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	27.230.000	63.094.040
	455.413.725	4.888.959.040

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	21.439.257.399	-	27.961.400.950	-
Công cụ và dụng cụ	174.328.474	-	190.270.208	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	10.244.613.124	-	15.956.292.452	-
Thành phẩm	21.504.474.359	-	16.736.024.150	-
	53.362.673.356	-	60.843.987.760	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	201.600.870.311	511.865.342.390	5.916.390.542	467.123.636	177.000.000	720.026.726.879
Tăng trong năm	-	1.630.000.000	-	-	-	1.630.000.000
Số dư cuối năm	201.600.870.311	513.495.342.390	5.916.390.542	467.123.636	177.000.000	721.656.726.879
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	68.594.893.714	216.418.973.088	4.839.668.337	277.573.443	177.000.000	290.308.108.582
Khấu hao trong năm	10.521.826.440	37.700.016.784	310.368.368	72.613.992	-	48.604.825.584
Số dư cuối năm	79.116.720.154	254.118.989.872	5.150.036.705	350.187.435	177.000.000	338.912.934.166
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	133.005.976.597	295.446.369.302	1.076.722.205	189.550.193	-	429.718.618.297
Số dư cuối năm	122.484.150.157	259.376.352.518	766.353.837	116.936.201	-	382.743.792.713

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 13.046 triệu VND (1/1/2021: 9.863 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 379.009 triệu VND (1/1/2021: 427.015 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2021 và 1/1/2021		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	150.000	25%	1.500.000.000	(*)	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	4.614.720.497	1.323.612.557
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.434.688.316	7.623.484.602
Cty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	2.055.588.750	2.587.200.000
Các nhà cung cấp khác	5.263.932.861	4.804.162.167
	<b>15.368.930.424</b>	<b>16.338.459.326</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	4.614.720.497	1.323.612.557
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.434.688.316	7.623.484.602
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	235.813.486	669.097.583

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	57.539.514.560	392.107.760.109	(397.817.924.257)	51.829.350.412
Thuế giá trị gia tăng	6.795.512.698	80.546.802.026	(86.093.648.926)	1.248.665.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.324.543.372	5.800.077.243	(6.348.490.361)	1.776.130.254
Thuế thu nhập cá nhân	159.615.900	3.481.895.344	(3.455.986.244)	185.525.000
Thuế tài nguyên	31.899.186	431.348.413	(433.019.917)	30.227.682
	66.851.085.716	482.367.883.135	(494.149.069.705)	55.069.899.146

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	101.309.590	159.164.251
Chi phí thay thế và bảo trì máy móc thiết bị	3.691.445.444	4.538.347.674
Chi phí đào tạo và nghiên cứu thị trường	-	1.600.000.000
Chi phí phải trả khác	1.112.841.733	924.940.233
	4.905.596.767	7.222.452.158

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	2.168.375.000	1.805.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.449.721.000	240.000.000
	3.618.096.000	2.045.000.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	82.500.000.000	385.900.000.000	(408.400.000.000)	60.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn phải trả	10.800.000.000	-	(10.800.000.000)	-	
	93.300.000.000	385.900.000.000	(419.200.000.000)	60.000.000.000	

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	5,5% - 7,0%	60.000.000.000	82.500.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay như được trình bày tại Thuyết minh 15(b).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	6.600.000.000	28.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		- (10.800.000.000)
	6.600.000.000	17.200.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vietinbank – Chi nhánh 4	VND	6,65%	2021 - 2023	6.600.000.000	28.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 379.009 triệu VND (1/1/2021: 427.015 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.263.720.369	2.424.952.649
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	2.140.421.517	2.087.340.759
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	2.500.000.000	2.474.896.961
Sử dụng trong năm	(4.188.549.000)	(4.723.470.000)
	2.715.592.886	2.263.720.369



**Công ty Cổ phần Bía Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	150.000.000.000	15.050.956.749	90.407.816.423	255.458.773.172
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	31.746.815.182	31.746.815.182
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(2.087.340.759)	(2.087.340.759)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(2.474.896.961)	(2.474.896.961)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	150.000.000.000	15.050.956.749	110.092.393.885	275.143.350.634
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	22.808.430.344	22.808.430.344
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(2.140.421.517)	(2.140.421.517)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	150.000.000.000	15.050.956.749	102.760.402.712	267.811.359.461

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 6 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 25.500 triệu VND (tương đương 1.700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2020: phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 45.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 37.500 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2019).

## 20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	5.413.197.905	5.671.345.850
Từ hai đến năm năm	14.337.089.397	17.538.805.598
Sau năm năm	68.967.934.895	71.179.416.599
	88.718.222.197	94.389.568.047

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Trong đương VND	Nguyên tệ	Trong đương VND
USD	196	4.440.453	196	4.506.100

**22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu	477.986.121.450	491.749.238.200
▪ Bán thành phẩm	870.093.881.559	921.433.486.188
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	392.107.760.109	429.684.247.988
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	6.488.308.498	5.346.314.940
▪ Bán phế liệu	270.172.395	286.022.205
▪ Doanh thu khác	484.744.602.343	497.381.575.345



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	428.731.864.474	422.931.004.826

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.297.091.454	9.099.852.953
Chi phí khấu hao	1.265.310.033	1.470.425.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.321.070.270	753.667.841
Chi phí quản lý khác	4.915.338.497	6.870.472.522
	15.798.810.254	18.194.418.564

**25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	316.541.726.822	298.388.677.641
Chi phí nhân công và nhân viên	39.086.389.359	38.926.097.853
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.604.825.584	49.359.556.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.239.600.118	36.099.090.023
Chi phí khác	11.640.309.421	15.531.785.559

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	5.800.077.243	8.617.586.158

142  
H/ TY M 10

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.608.507.587	40.364.401.340
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.721.701.517	8.072.880.268
Chi phí không được khấu trừ thuế	240.013.129	560.087.260
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(11.637.403)	-
Thu nhập không bị tính thuế	(150.000.000)	(15.381.370)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.800.077.243	8.617.586.158

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 54121000019 ngày 13 tháng 2 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2017) theo Khoản 1, Điều 35 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	22.808.430.344	31.746.815.182
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.640.421.517)	(4.562.237.720)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	18.168.008.827	27.184.577.462

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 15.000.000 cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn - Vĩnh Long</b>		
Bán hàng hóa	35.028.000	38.860.500
Cổ tức đã nhận	750.000.000	76.906.851
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	803.458.720.530	883.874.058.330
Mua nguyên vật liệu	261.558.490.683	265.801.279.465
Cổ tức đã trả	5.100.000.000	1.500.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	27.750.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi</b>		
Mua nguyên vật liệu	25.956.000	-
<b>Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Mua vật liệu bao bì	21.320.473.967	10.183.029.674
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	376.199.886	1.574.353.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua nguyên vật liệu	3.260.746	410.000
Mua tài sản cố định	1.550.000.000	2.515.936.000
Giao dịch khác	-	120.000.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Giao dịch khác	3.330.140	36.442.800
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	5.603.540
<b>Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b>		
Mua vật liệu bao bì	91.080.000	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng</b>		
Mua nguyên vật liệu	42.840.000	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	480.000.000	480.000.000
Bà Lê Hồng Xanh – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Lâm Du An – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	180.000.000	180.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.532.261.400	4.204.223.601
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Đinh Việt Anh – Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên – Thành viên	60.000.000	60.000.000

**29. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong  
Giám đốc



